

Phụ lục IV**ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp quy định theo tỷ lệ % tổng quỹ tiền lương kế hoạch hoặc tổng chi phí sản xuất kinh doanh từ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong 01 năm của đơn vị khai thác công trình thủy lợi như sau:

Bảng 16. Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ % tổng quỹ tiền lương kế hoạch

Đơn vị: %

TT	Vùng	Doanh nghiệp hạng I		Doanh nghiệp hạng II		Doanh nghiệp hạng III	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
1	Miền núi phía Bắc	8,82	18,22	9,35	20,91	11,01	26,93
2	Đồng bằng sông Hồng	7,40	20,60	8,72	27,82	8,75	25,86
3	Bắc Trung Bộ	7,36	15,75	9,66	20,48	19,32	35,63
4	Nam Trung Bộ	9,26	22,47	8,77	24,58		
5	Tây Nguyên			7,07	18,14		
6	Đông Nam Bộ	9,02	20,32	12,66	24,00	14,31	26,38
7	Đồng bằng sông Cửu Long			14,22	34,01		

Bảng 17. Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ % tổng chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: %

TT	Vùng	Doanh nghiệp hạng I		Doanh nghiệp hạng II		Doanh nghiệp hạng III	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
1	Miền núi phía Bắc	3,45	7,13	3,51	7,84	3,55	8,68
2	Đồng bằng sông Hồng	2,55	7,10	3,03	9,66	3,80	11,23
3	Bắc Trung Bộ	3,27	7,00	3,69	7,83	6,59	12,16
4	Nam Trung Bộ	3,09	7,50	3,33	9,34		
5	Tây Nguyên			3,28	8,43		
6	Đông Nam Bộ	3,31	7,44	5,31	10,06	6,17	11,38
7	Đồng bằng sông Cửu Long			2,84	6,80		